

*Hạ Long, ngày 07 tháng 7 năm 2009*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị xã Uông Bí  
giai đoạn 2009 – 2020**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 269/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2010 và định hướng đến 2020”;

Căn cứ Quy hoạch xây dựng Vùng duyên hải Bắc Bộ đến 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 865/QĐ-TTg ngày 10/7/2008;

Căn cứ Quy hoạch chung thị xã Uông Bí đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 669/QĐ-UB ngày 08/02/2002;

Căn cứ Quyết định số 2253/QĐ-UB ngày 14/7/2003 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và khu dân cư tỉnh Quảng Ninh đến 2020”;

Căn cứ Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 07/01/2007 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị xã Uông Bí giai đoạn 2007 - 2020”; Thông báo số 02/TB-UBND ngày 07/01/2009 “V/v ý kiến kết luận của Đồng chí Đỗ Thông - Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp nghe báo cáo đề án Quy hoạch chung xây dựng thị xã Uông Bí giai đoạn 2008 - 2020”;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 298/SXD-QH ngày 16/6/2009; hồ sơ đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị xã Uông Bí giai đoạn 2008 - 2020 đã được UBND thị xã Uông Bí thỏa thuận; Sở Xây dựng thẩm định, trình.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị xã Uông Bí giai đoạn 2009 - 2020 với các nội dung chính như sau :

**1. Phạm vi ranh giới và quy mô nghiên cứu:**

- Phạm vi ranh giới nghiên cứu nằm trong ranh giới hành chính thị xã Uông Bí; diện tích tự nhiên 255,94 km<sup>2</sup>; có các giới hạn như sau:

- + Phía Đông giáp huyện Hoàn Bồ.
- + Phía Tây giáp huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
- + Phía Nam giáp thành phố Hải Phòng và huyện Yên Hưng.
- + Phía Bắc giáp huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

### 2. Tính chất, chức năng đô thị:

- Là trung tâm công nghiệp, dịch vụ, du lịch, y tế và đào tạo phía Tây của tỉnh Quảng Ninh.

- Là trung tâm Phật giáo - Thiên phái Trúc Lâm Việt Nam.

- Là đầu mối giao thông quan trọng.

- Là địa bàn quan trọng về an ninh - quốc phòng.

### 3. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và làm cơ sở quản lý, thực hiện theo quy hoạch.

### 4. Quy mô dân số, đất đai đô thị :

4.1. Quy mô dân số: Dự kiến quy mô dân số trong các giai đoạn phát triển như sau:

- Hiện trạng (năm 2006) : 101.435 người (nội thị 72.535 người; ngoại thị 28.900 người);

- Dự báo đến năm 2015 : 128.800 người (nội thị 120.800 người; ngoại thị 8.000 người);

- Dự báo đến năm 2020 : 180.000 người (nội thị 170.000 người; ngoại thị 10.000 người);

4.2. Quy mô đất đai đô thị theo các giai đoạn phát triển:

- Hiện trạng diện tích tự nhiên thị xã Uông Bí 255,94 km<sup>2</sup>.

- Năm 2015 diện tích đất xây dựng đô thị toàn thị xã khoảng 3.258,3 ha với chỉ tiêu bình quân 325,8 m<sup>2</sup>/người, trong đó đất dân dụng khoảng 2.024,1 ha với chỉ tiêu bình quân 202,4 m<sup>2</sup>/người.

- Năm 2020 diện tích đất xây dựng đô thị toàn thị xã khoảng 4.990,3 ha với chỉ tiêu bình quân 262,6 m<sup>2</sup>/người, trong đó đất dân dụng khoảng 2.759,5 ha với chỉ tiêu bình quân 145,2 m<sup>2</sup>/người.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Đến 2015	Đến 2020
I	Dân số toàn thị xã	người	128.800	180.000
1	Dân số nội thị	người	120.800	170.000

2	Dân số ngoại thị	người	8.000	10.000
II	Số người trong tuổi lao động tham gia hoạt động kinh tế	người	57.900	83.700
III	Diện tích đất tự nhiên nội thị	ha	17.596,96	17.596,96
1	Diện tích đất xây dựng đô thị	ha	3.258,3	4.990,3
2	Diện tích đất dân dụng	ha	2.024,1	2.759,5
IV	Hạ tầng kỹ thuật			
1	Cấp nước	l/ng.ngđ	120	150
2	Cấp điện	w/người	300	400
3	Thoát nước thải	l/ng.ngđ	120	150
4	Chất thải rắn	kg/ng.ngđ.	1	1

## 5. Định hướng phát triển không gian và phân khu chức năng:

### 5.1. Công nghiệp và kho tàng:

Các khu, cụm công nghiệp phát triển chủ yếu ở 04 khu vực:

- Cụm công nghiệp phường Bắc Sơn gồm: Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí, Xí nghiệp cơ điện, cụm công nghiệp địa phương; quy mô diện tích 40 - 60 ha.

- Cụm công nghiệp Chạp Khê: Dự kiến diện tích sử dụng khoảng 100 ha (đến năm 2010) và mở rộng lên 200 ha (đến năm 2015); dự kiến phát triển các ngành công nghiệp: Lắp ráp chế tạo cơ khí, công nghiệp dệt may, giày da, điện tử điện lạnh, gia công nhựa, sản xuất gạch men và chế biến gỗ...

- Cụm công nghiệp khai thác mỏ: Nằm phía Bắc thị xã Uông Bí, khai thác khoảng 6 triệu tấn than/năm. Dự kiến trong 5÷10 năm tới khai thác khoảng 8,5 triệu tấn than/năm.

- Khu công nghiệp Phương Nam: quy mô diện tích khoảng 100 ha (đến năm 2010) và nâng mở rộng lên khoảng 200ha (đến năm 2015) và mở rộng lên 400 ha (đến năm 2025); dự kiến phát triển các ngành công nghiệp sạch.

- Đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tại xã Điền Công.

- Nâng cấp và hoàn thiện các Nhà máy đã có: Nhà máy sản xuất thiết bị nâng hạ Quang Trung, nhà máy cơ khí chế tạo Hà Lân. Đến năm 2020 cụm công nghiệp Yên Thanh nằm ở khu trung tâm thị xã gây ảnh hưởng đến môi trường, từng bước sẽ được chuyển đổi thành đất dân dụng.

### 5.2. Cơ quan, trường chuyên nghiệp

- Trung tâm hành chính - chính trị: Quy hoạch nâng cấp cải tạo, chỉnh trang khu vực Trung tâm hành chính - chính trị hiện nay của thị xã với quy mô khoảng 4,6 ha và chuyển thành khu liên cơ trong tương lai. Giai đoạn 2015 - 2020 từng bước đầu tư một Trung tâm hành chính mới quy mô 20 ha gồm các công trình: Thị Ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

- Các khu trường chuyên nghiệp: Bố trí tại phường Nam Khê, từng bước đầu tư nâng cấp các cơ sở vật chất, đặc biệt là hệ thống các công trình dịch vụ công cộng, dự kiến mở rộng thêm đất cho các trường dạy nghề quy mô 15 - 20 ha; bố trí Trường Đại học dân lập Trần Hưng Đạo khoảng 40-50 ha đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý thành lập tại công văn số 998/TTg-KG ngày 20/7/2005.

### 5.3. Khu ở:

a. Khu dân cư cải tạo: Duy trì, tôn tạo các khu phố cũ; đề xuất cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan thiên nhiên.

#### b. Khu dân cư xây dựng mới:

- Phân bố tại các khu vực, được tổ chức theo mô hình tổ hợp ở hiện đại, có hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội và kỹ thuật đồng bộ.

- Dự kiến phát triển các khu đô thị sinh thái về phía Tây (khu vực Dốc Đò) và khu vực phía Nam thị xã.

- Phát triển các khu đô thị mới tại khu vực Cầu Sến, Yên Thanh; ven Quốc lộ 10 định hướng xây dựng các tổ hợp chung cư cao tầng và các khu dịch vụ thương mại hiện đại, tiện nghi nhằm dành nhiều quỹ đất tổ chức sân vườn, cây xanh đảm bảo môi trường đô thị với chất lượng cao.

- Khu ở biệt thự, nhà vườn: Phát triển các khu đô thị sinh thái mặt nước tại khu vực ven sông Sinh, sông Ưông, kênh làm mát nhà máy điện và phát triển các khu đô thị nhà vườn tại khu vực phía Bắc xã Phương Đông ven tuyến đường đi Yên Tử.

- Khu ở làng xóm trong đô thị: Khu ở trong các khu trung tâm, bám theo các trục đường chính khu vực, nhà ở theo kiểu mặt phố, được phân lô theo tiêu chuẩn  $80\div 100\text{m}^2/\text{hộ}$ , tầng cao  $2\div 3$  tầng, mật độ xây dựng  $50\div 60\%$ .

- Nhà ở liền kề dọc các đường phố nhỏ: tiêu chuẩn  $120\div 150\text{m}^2/\text{hộ}$ , tầng cao  $1,5\div 2$  tầng, mật độ xây dựng  $35\div 40\%$ .

- Khu ở xa các cụm trung tâm, trong các đường nhỏ khu vực, nhà ở theo kiểu nhà vườn với tiêu chuẩn  $250\div 300\text{m}^2/\text{hộ}$  (khu phía Bắc đường 18A).

- Khu ở sát các sườn đồi phía Bắc và xen lẫn trong các khu sản xuất. Nhà ở theo kiểu làng xóm đô thị hoá hoặc làng nghề (làng du lịch, làng chài, làng mỏ...)

- Khu ở phía Nam đường 18A nâng cấp và cải tạo các khu ở hiện trạng.

### 5.4. Dịch vụ công cộng:

- Nâng cấp cải tạo Khu trung tâm dịch vụ - thương mại hiện nay có diện tích khoảng 3,64 ha nằm trên đường Quang Trung thành trung tâm thương mại siêu thị phục vụ cho khu vực trung tâm cũ của thị xã.

- Khu trung tâm dịch vụ - thương mại mới diện tích 20 - 25ha được bố trí thành 4 cụm chính:

+ Khu Cầu Sến (xã Phương Đông) là trung tâm phía Tây thị xã với các hạng mục chợ trung tâm mới, khách sạn, dịch vụ tổng hợp, văn phòng, được tổ

hợp thành một trung tâm thương mại phục vụ cho các khu đô thị mới phía Tây; quy mô từ 6 - 8 ha.

+ Khu trung tâm dịch vụ thương mại Yên Thanh mới bao gồm các tổ hợp khách sạn, văn phòng, siêu thị... phục vụ cho khu vực đô thị mới phía Nam thị xã; quy mô từ 6 - 8 ha.

+ Khu thương mại phía Đông thị xã, bao gồm các tổ hợp thương mại dịch vụ cho khu vực các trường chuyên nghiệp và khu vực dân cư mới khu vực phường Nam Khê.

+ Khu vực Vàng Danh bố trí cụm dịch vụ thương mại phục vụ khu vực phường Vàng Danh và một phần xã Thượng Yên Công phục vụ cho Khu du lịch Yên Tử.

#### 5.5. Các trung tâm chuyên ngành:

##### a. Trung tâm dịch vụ du lịch:

- Khu du lịch Yên Tử: Được nghiên cứu mở rộng thành Khu du lịch, văn hoá tâm linh gắn kết với hệ thống rừng đặc dụng Yên Tử để trở thành khu du lịch sinh thái quốc gia thu hút từ 1,5 - 2 triệu du khách/1 năm. Khu vực chùa Bí Thượng làm trung tâm dịch vụ cửa ngõ, khu vực Nam Mẫu là trung tâm dịch vụ thương mại cho khu di tích và xã Thượng Yên Công.

- Khu du lịch hồ Yên Trung với quy mô khoảng 1200 ha nằm ở phía Tây thị xã là khu quần thể du lịch có chức năng nghỉ ngơi, điều dưỡng, vui chơi giải trí và sinh hoạt văn hoá và là điểm dẫn dắt của khách du lịch trên tuyến Côn Sơn - Kiếp Bạc - Yên Tử - Hạ Long.

- Khu di tích chùa Ba Vàng: Từng bước nâng cấp cải tạo chùa, hạ tầng theo quy hoạch gắn kết với khu vực du lịch sinh thái Lũng Xanh tạo điểm nhấn kiến trúc, văn hoá tâm linh cho nhân dân thị xã.

- Cụm di tích xã Điền Công: Gắn kết với cụm di tích chiến thắng sông Bạch Đằng huyện Yên Hưng tạo thành điểm tham quan du lịch.

- Khu du lịch Lũng Xanh: Là khu du lịch sinh thái có tiềm năng rất lớn trong tương lai.

- Du lịch Hang Sơn: Với hệ thống hang động đẹp thu hút số lượng rất lớn khách du lịch hàng năm.

b. Trung tâm y tế: diện tích khoảng 11 ha: Quy hoạch cải tạo nâng cấp 2 khu y tế cũ là Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển và bệnh viện mở Vàng Danh; ngoài ra nâng cấp cải tạo các cụm y tế khác nằm trong các trung tâm phường, xã.

c. Các trung tâm khu vực: Gồm các trường phổ thông, trụ sở UBND cấp phường, trạm xá, chợ, được quy hoạch như hiện nay tại các cụm trung tâm được tính toán dựa trên sự phát triển dân số cụm.

#### 5.6. Công viên cây xanh, thể dục, thể thao:

- Trung tâm công viên, văn hóa, thể dục, thể thao cũ tại đường Nguyễn Du (phía Đông sông Sinh); diện tích 11 ha bao gồm Nhà hát, trung tâm văn hóa, sân

vận động, công viên trung tâm, quảng trường văn hóa tạo thành một quần thể văn hóa, thể thao cho nhân dân thị xã khoảng 15,75 ha. Ngoài ra còn có một số khu cây xanh, thể dục, thể thao nằm rải rác trong nội thị khoảng 6,25 ha.

- Trung tâm công viên, văn hóa, thể dục, thể thao mới: Bố trí tại khu hồ Tân Lập, xã Phương Đông với quy mô khoảng 85 ha theo hướng tạo quần thể kiến trúc đa dạng của các công trình thể dục, thể thao, kết hợp với kiến trúc nhỏ, cây xanh, cây xanh sân vườn, khu nuôi thú, săn bắn... là khu vực diễn ra các hoạt động thể thao, vui chơi giải trí.

- Trung tâm TDTT phía Đông thị xã (khu vực Cầu Sến) gồm các công trình sân vận động, nhà thi đấu; quy mô từ khoảng 10-15 ha.

- Trung tâm TDTT phía Nam thị xã (khu vực phường Yên Thanh) quy mô 30-35 ha bao gồm các công trình sân bóng đá, nhà thi đấu gắn kết khu cây xanh, công viên quảng trường cho khu vực Trung tâm hành chính mới.

- Dự kiến đầu tư một khu công viên cây xanh tập trung tại khu vực phường Nam Khê quy mô 10 ha.

#### 5.7. Khu an ninh quốc phòng:

- Trong giai đoạn 2008 - 2015 đất an ninh - quốc phòng vẫn giữ nguyên diện tích là 159,66 ha.

5.8. Tuyến đường ống xăng dầu: Tuyến đường ống xăng dầu đi qua địa bàn thị xã sẽ được di chuyển về phía Nam, được đi trong hào kỹ thuật; hành lang an toàn là dải cây xanh tập trung.

### **6. Định hướng quy hoạch giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

#### 6.1. Giao thông :

##### a. Giao thông đối ngoại:

##### \* Đường bộ:

- Quốc lộ 18A hiện tại qua thị xã sẽ đóng vai trò trục đường chính đô thị. Mặt cắt ngang đường rộng (28-32) m trong đó mặt đường 12m. Đoạn đi qua phường Yên Thanh mở rộng với mặt cắt ngang thiết kế rộng 52m trong đó:

- Xây dựng tuyến đường tránh phía Nam Thị xã, quy mô mặt cắt ngang dự kiến 80m-140m, trong đó lòng đường mỗi bên 15m, dải phân cách giữa 3m, hành lang an toàn mỗi bên 20m-50m, đoạn qua khu dân cư cần xây dựng thêm đường gom để đảm bảo an toàn giao thông.

- Cải tạo, chỉnh trang lại tuyến Quốc lộ 10 hiện có, xây dựng hệ thống đường gom 2 bên, mặt cắt ngang rộng 76 m trong đó mặt đường 15m, hành lang an toàn mỗi bên 15m, đường gom mỗi bên 15,5m.

- Cải tạo quốc lộ 18B phục vụ nhu cầu đi lại của khu vực dân cư phía Bắc.

- Tuyến cao tốc Hà Nội - Hạ Long đoạn qua thị xã Uông Bí dự kiến đi sát chân núi phía Bắc thị xã, quy mô giai đoạn hoàn chỉnh là đường cao tốc 6 làn xe,

tổng chiều rộng nền đường 35,5m. Giai đoạn 1 đầu tư xây dựng với quy mô đường cao tốc 4 làn xe, tổng chiều rộng nền đường 27,5m.

- Cải tạo, chỉnh trang tuyến Dốc Đò - Nam Mẫu với quy mô mặt cắt ngang rộng 12m.

- Xây dựng hai bến xe đối ngoại, một ở phía Đông, một ở phía Tây Thị xã, quy mô khoảng 1,5-2 ha/bến.

\* Đường sắt:

- Dự án xây dựng tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân: Đoạn tuyến qua Thị xã Uông Bí sẽ xây dựng trên cơ sở cải tạo, nâng cấp tuyến đường sắt cũ với khổ đường 1435 mm và 1000 mm đạt tiêu chuẩn đường cấp 2.

- Ngoài tuyến đường sắt chuyên dùng Vàng Danh - Uông Bí - Điện Công hiện có, xây dựng thêm tuyến Nam Mẫu - Lán Tháp phục vụ nhu cầu vận chuyển than. Định hướng trong tương lai, hệ thống vận chuyển than bằng đường sắt và đường bộ thay bằng hệ thống vận chuyển bằng băng tải.

\* Đường thủy:

- Cải tạo, nâng cấp lại hệ thống cảng hiện có để đáp ứng cho nhu cầu phát triển trong tương lai:

+ Cảng Bạch Thái Bưởi: Ngoài khu vực chuyên dùng cho hoá chất và vật liệu nổ do quân đội quản lý sẽ xây dựng thêm khu vực phục vụ cho cụm công nghiệp Phương Nam sẽ hình thành trong tương lai.

+ Cụm cảng Điện Công: Quy hoạch lâu dài phục vụ cho xuất than của các mỏ khu vực Yên Tử, Vàng Danh, Uông Thượng; khả năng thông qua bến 14.000.000T/năm, đảm bảo cho tàu tải trọng tối đa 2.000 DWT cập bến làm hàng.

+ Cảng Xuân Lãm: Là cảng chuyên dùng cho vận chuyển vật liệu xây dựng.

b. Giao thông nội thị:

\* Mạng lưới đường đô thị:

- Mạng lưới đường đô thị thiết kế theo dạng ô cờ trên nguyên tắc tôn trọng hiện trạng. Mạng lưới đường phía Bắc Quốc lộ 18A cơ bản vẫn theo quy hoạch cũ đã được duyệt trên cơ sở đó kết nối với khu phía Nam Quốc lộ 18A.

- Các trục đường trong khu thị xã cũ sẽ được cải tạo và nâng cấp, hệ đường và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật đi kèm phải được hoàn thiện đáp ứng tiêu chuẩn của đường đô thị.

- Các trục đường mới thiết kế mặt cắt ngang theo phân cấp chức năng của từng loại đường.

\* Công trình phục vụ giao thông: Dự kiến xây dựng 6 đầu mối giao nhau khác mức gồm:

- Nút N1: giao giữa đường tuyến Dốc Đò - Nam Mẫu với Quốc lộ 18A, triển khai theo dự án đã được phê duyệt.

- Nút N2: giao giữa đường đối ngoại phía Nam với Quốc lộ 10.
- Nút N3: giao giữa đường đối ngoại phía Nam với đường ra cảng Điền Công, nút đang thi công.
- Nút N4: giao giữa đường đối ngoại phía Nam với đường đi Yên Hưng.
- Nút N5: giao giữa đường ra cảng Điền Công với Quốc lộ 18A.
- Nút N6: giao giữa tuyến Dốc Đỏ - Nam Mẫu với đường cao tốc Hà Nội - Hạ Long.

- Bãi đỗ xe tập trung: bố trí các bãi đỗ xe tập trung tại các khu trung tâm công cộng, khu cây xanh thể dục thể thao, các điểm trung tâm của khu dân cư đáp ứng phục vụ tối đa nhu cầu của nhân dân. Tổng diện tích các bãi đỗ xe tập trung ước tính khoảng 75 ha ( $\approx 1,5\%$  diện tích đất xây dựng đô thị).

- Xây dựng mới 4 cầu vượt đường sắt để đảm bảo an toàn giao thông cho việc liên hệ giữa khu phía Bắc và phía Nam thị xã .

\* Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính:

- Tổng diện tích đất giao thông:  $\approx 939,6$  ha trong đó diện tích đất giao thông đối ngoại  $\approx 309,8$  ha; diện tích đất giao thông đô thị  $\approx 629,8$  ha.

- Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị:  $\approx 19\%$

- Mật độ mạng lưới đường  $\approx 5,97\text{km}/\text{km}^2$ .

## 6.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất đô thị:

### a. San nền :

- Khu vực phía Bắc Quốc lộ 18A: Thống nhất tuân thủ cao độ khống chế cao độ san nền tối thiểu là +3,0 m.

- Khu vực phía Nam Quốc lộ 18A: Là khu vực trũng thấp và ngập mặn chịu nhiều ảnh hưởng của thủy triều, ảnh hưởng mực nước dâng khi có bão từ cửa Bạch Đằng, khống chế cao độ san nền tối thiểu là +3,5m đối với khu công nghiệp, cảng, kho bãi, khu dân cư, khu vực hành chính và khống chế cao độ san nền tối thiểu là +3,2m đối với khu khu cây xanh, công viên.

\* Giải pháp nền:

- Khu vực cải tạo xây dựng phía Bắc Quốc lộ 18A:

+ Những khu vực có cao độ nền  $H \geq 3,0\text{m}$ , không bị úng ngập giữ nguyên cao độ nền hiện trạng.

+ Tại khu vực có mật độ xây dựng dày đặc, bị ngập úng tại phía Nam thị xã không có điều kiện tôn nền dự kiến giữ nguyên cao độ nền hiện trạng, dùng giải pháp nâng sàn công trình đến cao độ an toàn  $H_{\text{min}} = + 3,0\text{m}$  (trong quá trình cải tạo hoặc xây mới) để hạn chế tình trạng ngập úng.

+ Tại những khu vực mật độ xây dựng thưa thoáng và các lõi trũng thấp cần tôn nền hài hòa với cao độ khu vực đã xây dựng, cao độ sàn công trình khi xây dựng xen kẽ cần khống chế  $H_{\text{min}} = 3,0\text{m}$ .



- Khu vực xây dựng mới phía Bắc Quốc lộ 18A:

+ Khu vực hiện trạng có cao độ nền  $H > 3\text{m}$ , không bị ngập úng giữ nguyên cao độ nền hiện có. Khi xây dựng chỉ san nền cục bộ tạo mặt bằng công trình.

+ Khu vực xây dựng tại các sườn đồi dốc, san ủi cục bộ, theo thêm địa hình, xây dựng các ta luy, tường chắn giữ ổn định nền công trình.

+ Tại những vùng thấp trũng bị úng ngập có cao độ  $< 3\text{m}$ , cần tôn nền đến cao độ khống chế  $H_{\text{min}} = 3,0\text{m}$ .

- Khu vực cải tạo xây dựng phía Nam Quốc lộ 18A:

+ Những khu vực có cao độ nền  $H \geq 3,0\text{m}$ , không bị úng ngập giữ nguyên cao độ nền hiện trạng.

+ Tại những khu vực mật độ xây dựng thưa thoáng và các lõi trũng thấp cần tôn nền hài hòa với cao độ khu vực đã xây dựng, cao độ nền khống chế  $H_{\text{min}} = 3,3\text{m}$ .

+ Những khu vực dân cư xây dựng dày đặc trên nền cao độ từ 2,5-3m giữ nguyên, không san nền. Khi cải tạo, xây mới công trình cần nâng cao độ sàn  $> 3\text{m}$  nhằm hài hoà với các công trình đã xây dựng.

- Khu vực xây dựng mới phía Nam QL18A :

+ Khu vực nền hiện trạng có cao độ:  $H > 3,3\text{m}$ , không bị ngập úng giữ nguyên cao độ nền hiện có. Khi xây dựng chỉ san nền cục bộ tạo mặt bằng công trình.

+ Tại những vùng thấp trũng bị úng ngập  $H < 3\text{m}$  cần tôn nền đến cao độ khống chế:  $H_{\text{min}} = 3,5\text{m}$  với khu công nghiệp tập trung, khu dân cư, hành chính;  $H_{\text{min}} = 3,2\text{m}$  với khu công viên cây xanh.

- Khu công nghiệp phía Tây Nam, giáp QL10 cao độ khống chế  $H_{\text{min}}$  từ 3,2-3,5 m nhằm hài hoà nền đường gom khu công nghiệp với Quốc lộ 10.

b. Thoát nước mặt:

\* Giải pháp thoát nước: Với đặc thù của thị xã Uông Bí có hướng dốc chính theo một hướng từ Bắc xuống Nam, phía Bắc là núi cao, phía Nam là vùng trũng, chia cắt bởi nhiều sông suối tự nhiên. Vì vậy giải pháp thoát nước mặt theo hướng: Tận dụng hệ thống tự thủy tự nhiên, đồng thời cải tạo và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước riêng cho những khu vực phát triển xây dựng, bổ sung hệ thống cống qua đường, tiêu thoát nhanh nước mặt theo hướng Bắc Nam và xây dựng hồ cảnh quan kết hợp điều tiết nước mặt, cải tạo vi khí hậu.

\* Hệ thống thoát nước mặt: Khu vực phát triển xây dựng của thị xã thiết kế hệ thống thoát nước mặt riêng hoàn chỉnh với chế độ tự chảy. Khu vực thị xã cũ xây dựng hệ thống nửa riêng, tách nước bản, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

\* Lưu vực và hướng thoát: Trên địa bàn thị xã được phân thành 5 lưu vực thoát nước chính:

- Lưu vực 1: Thoát vào sông Uông và sông Đá Bạc theo hướng Bắc Nam, thuộc các phường Vàng Danh, Bắc Sơn, Quang Trung, Trưng Vương (một phần

của Trung tâm du lịch sinh thái Lũng Xanh), dọc theo sông Vàng Danh nhập với sông Đá Bạc ở xã Điền Công.

- Lưu vực 2: Thoát vào sông Sinh và sông Đá Bạc theo hướng Bắc Nam. Lưu vực bao gồm phần diện tích kẹp giữa sông Uông và sông Sinh, nằm trên địa phận của xã Thượng Yên Công, một phần của Trung tâm du lịch sinh thái Lũng Xanh, Trung tâm hành chính của thị xã, tới khu vực cửa sông nhập với sông Đá Bạc. Để thoát nước mặt cho phía Bắc của lưu vực sông Sinh cần xây dựng tuyến mương xây hồ thoát nước mặt đi song song với tuyến kênh tưới tiêu kết hợp đã chuyển đổi thành kênh lấy nước của nhà máy cấp nước Đồng Mây.

- Lưu vực 3: Thoát vào sông Cầu Sến và sông Đá Bạc theo hướng Bắc Nam, thuộc địa phận của các xã: Thượng Yên Công, xã. Phương Đông, Phường Thanh Sơn tới hết ranh giới Phường. Yên Thanh.

- Lưu vực 4: Thoát vào sông Cửa Cua và sông Đá Bạc theo hướng Bắc Nam, bao gồm các xã Phương Nam, Phương Đông (vùng cảnh quan Yên Tử) đến cửa sông Cầu Sến.

- Lưu vực 5: Thoát vào sông Cửa Hẹp và sông Đá Bạc theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, thuộc xã Phương Nam và cụm công nghiệp Nam Uông Bí.

### 6.3. Cấp nước:

a. Nhu cầu dùng nước: Tổng nhu cầu cấp nước đến năm 2015 khoảng 30.000 m<sup>3</sup>/ngđ và nhu cầu cấp nước đến năm 2020 khoảng 54.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

#### b. Nguồn nước

##### \* Nước mặt:

- Sông Vàng Danh: Nguồn nước này ở độ cao lớn, tự chảy từ đập về trạm lọc, từ trạm tự chảy về thị xã (cách khoảng 7 km). Lượng nước tuy khai thác tối đa là 5.000m<sup>3</sup>/ngđ nhưng chất lượng không đảm bảo, trong tương lai không sử dụng nguồn nước này.

- Sông Uông: cấp nước cho nhà máy nhiệt điện Uông Bí: Là ranh giới giữa vùng nước ngọt và nước mặn, có đập tràn để lấy nước làm nguội nhà máy điện Uông Bí. Nước ngọt xử lý sạch cấp cho nồi hơi, làm nguội máy. Lưu lượng tại vị trí cấp nước cho nhà máy điện khoảng 8m<sup>3</sup>/s.

- Nguồn nước kênh N2 dẫn nước hồ Yên Lập về cấp cho hồ chứa nước ngọt Đồng Mây dung tích 27.500m<sup>3</sup>/ngđ để đưa nước vào khu xử lý nước của nhà máy nước Đồng Mây.

- Suối Mười Hai Khe (cách trung tâm thị xã Uông Bí khoảng 7 km): diện tích lưu vực 22,0 km<sup>2</sup>, chiều dài sông 8,0 km, độ rộng lưu vực 2,75km dự kiến dùng cho cấp nước với công suất 15.000m<sup>3</sup>/ngđ. .

\* Nước ngầm: Khu vực Uông Bí - Mạo Khê có trữ lượng khoảng 7.213 m<sup>3</sup>/ng không lớn. Do đó lựa chọn nguồn nước thô sông Vàng Danh, hồ Yên Lập, hồ chứa Mười Hai Khe cấp cho thị xã Uông Bí.

#### c. Giải pháp cấp nước:

\* Nhà máy nước:

- Không sử dụng Nhà máy nước Lán Tháp để cấp nước nữa do chất lượng nước không đảm bảo. Giai đoạn đầu sử dụng làm trạm bơm tăng áp trong giai đoạn đầu cấp nước cho khu dân cư phường Vàng Danh và xã Thượng Yên Công từ nguồn nước ngầm.

- Mở rộng, nâng công suất Nhà máy nước Đồng Mây từ  $3.000\text{m}^3/\text{ngđ}$  thành  $54.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ ; dùng nguồn nước từ hồ chứa nước Mười Hai Khe, hồ Yên Lập trong đó đưa nước từ hồ chứa nước Mười Hai Khe về  $15.000\text{m}^3/\text{ngđ}$  và hồ Yên Lập  $39.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ , diện tích khu xử lý 3,5 ha.

\* Mạng lưới cấp nước: Mạng lưới đường ống cấp nước thiết kế theo mạng vòng đảm bảo hiệu quả cấp nước liên tục và đầy đủ.

\* Áp lực nước: Mạng lưới cấp nước được tính toán với áp lực tự do 12m, các khu vực cao tầng hơn đặt trạm bơm tăng áp cục bộ. Nhà máy nước Lán Tháp cũ sẽ chuyển thành Trạm bơm tăng áp cấp nước cho cụm dân cư phía Đông Bắc và Tây Bắc của thị xã.

\* Chữa cháy: Sử dụng mạng lưới chữa cháy kết hợp chung với cấp nước sinh hoạt và công nghiệp. Mạng lưới cấp nước chữa cháy sử dụng áp lực thấp.

#### 6.4. Cấp điện :

a. Nhu cầu dùng điện: Tổng nhu cầu dùng điện của thị xã đến năm 2015 khoảng 97.073KW và nhu cầu dùng điện đến năm 2020 khoảng 201.014 KW.

#### b. Định hướng cấp điện:

- Đợt đầu đến năm 2010: Dùng nguồn điện Nhà máy điện Uông Bí có công suất 410 MW, nâng công suất trạm 110KV Uông Bí lên công suất (2x40) MVA cấp điện khu vực phía Bắc Quốc lộ 18A và khu vực lân cận. Xây dựng mới 02 trạm 110/22 KV gồm: Trạm Cầu Sên công suất 1x25 MVA cung cấp điện cho các phụ tải sinh hoạt và công cộng khu vực phía Nam Quốc lộ 18 và Trạm công nghiệp Nam thị xã công suất 1x40 MVA tạm cung cấp điện cho các Khu công nghiệp .

- Dài hạn đến năm 2020: Nâng công suất Nhà máy điện Uông Bí lên thành 700MW đồng thời nâng công suất trạm 220KV lên 2x250 MVA và cải tạo nâng công suất các trạm 110 KV.

#### \* Lưới điện:

- Lưới 35KV cung cấp cho khu vực ngoại thị xã vẫn giữ nguyên khu Yên Tử, Vàng Danh và chuyển sang vận hành lưới điện 22 KV; bố trí đi ngầm đường dây 22KV xây dựng mới để đảm bảo mỹ quan đô thị

- Lưới trung áp 22KV: Cải tạo toàn bộ lưới 6KV hiện có trong khu vực thị xã cấp điện cho sinh hoạt và công cộng thành lưới điện 22KV; giữ nguyên các lưới điện 6KV cấp cho các khu mỏ.

#### 6.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường :

##### a. Hệ thống thoát nước bản:

- Đến năm 2020 nhu cầu thoát nước thải khoảng 45.912 m<sup>3</sup>/ngđ.

\* Giải pháp thiết kế:

- Khu vực phía Bắc Quốc lộ 18A xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng (đây là khu vực đã phát triển của thị xã). Khu vực phía Nam quốc lộ 18A sẽ xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Toàn bộ thị xã được chia thành 5 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Phía Tây sông Cầu Sến. Quy hoạch hệ thống thoát nước nửa riêng và riêng hoàn toàn. Toàn bộ nước thải của lưu vực này được đưa về trạm xử lý nước thải số 1 có công suất dài hạn 9.000 m<sup>3</sup>/ngđ, diện tích chiếm đất 1,0 ha.

+ Lưu vực 2: Phía Đông sông Cầu Sến và phía Tây sông Sinh. Quy hoạch hệ thống thoát nước nửa riêng và riêng hoàn toàn. Toàn bộ nước thải của lưu vực này được đưa về trạm xử lý nước thải số 2 có công suất dài hạn 5400 m<sup>3</sup>/ngđ, diện tích chiếm đất 0,5 ha.

+ Lưu vực số 3: Phía Đông sông Sinh và phía Tây tuyến kênh xả nước làm nguội nhà máy nhiệt điện. Quy hoạch hệ thống thoát nước nửa riêng và riêng hoàn toàn. Toàn bộ nước thải của lưu vực này được đưa về trạm xử lý nước thải số 3 có công suất dài hạn 4000 m<sup>3</sup>/ngđ, diện tích chiếm đất 0,5 ha.

- Lưu vực số 4: Phía Đông sông Vàng Danh. Quy hoạch hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Toàn bộ nước thải của lưu vực này được đưa về trạm xử lý nước thải số 4 có công suất dài hạn 3600 m<sup>3</sup>/ngđ, diện tích chiếm đất 0,5 ha.

- Lưu vực số 5: Khu vực Vàng Danh. Quy hoạch hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Toàn bộ nước thải của lưu vực này được đưa về trạm xử lý nước thải số 5 có công suất dài hạn 4700 m<sup>3</sup>/ngđ, diện tích chiếm đất 0,5 ha.

\* Nước thải công nghiệp : Được xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN 5945- 2005 trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

- Khu công nghiệp Nam Uông Bí: Bố trí 5 trạm xử lý nước thải công nghiệp, cụm công nghiệp Chạp Khê bố trí 1 trạm xử lý nước thải công nghiệp.

b. Vệ sinh môi trường:

- Đến năm 2020 nhu cầu chất thải rắn khoảng 378,8 tấn/ngày; diện tích nghĩa trang cần khoảng 10,2 ha.

- Chất thải rắn đô thị phải được phân loại tại nguồn thải thành các chất hữu cơ và vô cơ trước khi thu gom, vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn của Thị xã. Dự kiến toàn thị xã sẽ có 3 trạm trung chuyển CTR, sử dụng công nghệ khép kín.

- Trong giai đoạn dài hạn đến năm 2025 xây dựng nhà máy xử lý CTR tại khu vực phường Bắc Sơn, diện tích 10-15 ha (tỷ lệ CTR chôn lấp đạt thấp hơn 10% khối lượng thu gom).

- Lâu dài toàn bộ lượng CTR công nghiệp, CTR nguy hại của thị xã sẽ đưa về khu liên hợp xử lý CTR tại huyện Hoàn Bô theo định hướng của Quy hoạch xây dựng Vùng biên giới Việt Trung và quy hoạch vùng duyên hải Bắc Bộ.

\* Định hướng quy hoạch nhà tang lễ và nghĩa trang tập trung:

- Dự kiến xây dựng mới một nhà tang lễ cho Thị xã có diện tích khoảng 1,0 ha đảm bảo khoảng cách ly với khu dân cư theo quy định. Từng bước dừng chôn cất mới tại các nghĩa trang hiện có của các phường nội thị. Tại các nghĩa trang này sẽ cải tạo, trồng thêm cây xanh và quy hoạch thành công viên nghĩa trang (có thể vẫn sử dụng tiếp tục cho các mộ cát táng).

- Dự kiến quy hoạch nghĩa trang mới có lò hỏa táng tại khu vực đồi núi phía Bắc phường Quang Trung với diện tích khoảng 15 ha đáp ứng nhu cầu của nhân dân thị xã và vùng phụ cận nhằm giảm nhu cầu chiếm đất, giảm ô nhiễm môi trường.

## **7. Định hướng quy hoạch đợt đầu đến 2015:**

7.1. Quy hoạch sử dụng đất đai, phân khu chức năng đợt đầu:

- Dự kiến mở rộng ranh giới nội thị sang địa phận xã Phương Nam và xã Phương Đông. Ưu tiên các khu chức năng mới như trung tâm thương mại dịch vụ, khu thể dục thể thao và các khu ở mới được xác định cụ thể theo từng đồ án quy hoạch chi tiết cụ thể như sau:

+ Cải tạo kết hợp mở rộng đáp ứng nhu cầu cấp thiết đô thị trong giai đoạn đầu theo các hệ thống đơn vị hành chính của Thị xã để phù hợp với quy mô phát triển đô thị qua từng thời kỳ.

+ Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại; trong đó tập trung xây dựng các công trình đầu mối lớn như: Bến xe liên tỉnh, hệ thống giao thông, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp điện.

+ Làm cơ sở cho việc lập dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng.

7.4. Quy hoạch sử dụng đất:

a. Công nghiệp và kho tàng: Ưông Bí có lợi thế để thu hút các nhà đầu tư thuê đất xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp. Tại thị xã hiện có các cụm, điểm phát triển công nghiệp sau:

- Khu công nghiệp phường Bắc Sơn bao gồm các nhà máy điện, xí nghiệp điện cơ, cụm công nghiệp địa phương vẫn được tiếp tục triển khai.

- Cụm công nghiệp ngành than tại cảng Điện Công diện tích 42 ha.

- Cụm công nghiệp Chạp Khê diện tích 61÷100 ha.

- Cụm công nghiệp Phương Nam diện tích 283 ha.

- Nhà máy Nhiệt điện của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tại xã Điện Công.

b. Khu trung tâm hành chính, trường chuyên nghiệp: Về cơ bản vẫn phát triển theo quy hoạch 2002, dự kiến nâng cấp cơ sở hạ tầng, chỉnh trang các công trình chính.

c. Dịch vụ công cộng: Trên địa bàn Thị xã chia thành 5 khu vực dịch vụ thương mại cơ bản sau:

- Khu trung tâm Thị xã: bao gồm có các chợ, siêu thị và các loại dịch vụ khác ở trung tâm.

- Khu phía Bắc Thị xã (cụm thương mại dịch vụ Vàng Danh): phát triển hệ thống chợ và các loại dịch vụ phục vụ khu vực mỏ Vàng Danh và các điểm dân cư trong khu vực đó.

- Khu phía Đông Thị xã: Phục vụ cho dân cư phường Nam Khê, xã Điền Công và khu vực giáp huyện Yên Hưng. Nhìn chung vùng này hệ thống dịch vụ chưa phát triển mạnh.

- Khu thương mại phía Tây Thị xã: khu vực này có tiềm năng phát triển mạnh với 4 phường xã là Yên Thanh, Thanh Sơn, Phương Đông và Phương Nam.

- Khu vực phía Nam Thị xã: khu này tiềm năng phục vụ cho xã Phương Nam và huyện Thủy Nguyên của Hải Phòng.

d. Khu ở: Phát triển đô thị về hướng Nam và Tây Nam Thị xã theo định hướng khu đô thị Yên Thanh - Cầu Sến:

- Khu đô thị phía nam phát triển thành khu đô thị gắn liền với du lịch sinh thái nuôi trồng thủy sản.

- Khu đô thị 2 bên kênh làm mát nhà máy điện Uông Bí quy hoạch thành các khu đô thị hoàn chỉnh, nhà ở được thiết kế kiểu nhà sân vườn và nhà chung cư.

- Khu đô thị phía Bắc Thị xã: Sử dụng địa hình hiện có, quy hoạch khu đất ở đô thị là loại nhà biệt thự, diện tích đất ở trên 500m<sup>2</sup>, mật độ xây dựng dưới 20%.

e. Khu cây xanh thể dục thể thao: Phát triển đô thị về hướng Nam và Tây nam thị xã theo định hướng khu đô thị Yên Thanh - Cầu Sến:

f. Các khu trung tâm chuyên ngành:

\* Trung tâm y tế: Hiện nay diện tích đất của các cơ sở y tế khoảng 11,18 ha cơ bản đảm bảo cho nhu cầu phát triển; chỉ nâng cấp, xây mới một số hạng mục công trình, đầu tư trang thiết bị.

\* Khu bảo tồn, du lịch dịch vụ: Du lịch, dịch vụ là những ngành không thể thiếu trong sự phát triển kinh tế của Thị xã, không những vậy, đây còn là những ngành có thể mang lại thu nhập cao, đóng góp nhiều cho ngân sách địa phương cũng như nâng cao đời sống của người dân.

Ngoài ra Thị xã còn có tiềm năng phát triển các khu dịch vụ du lịch khác như: Khu dịch vụ Ngã ba Dốc Đỏ và dọc theo hai bên đường vào Yên Tử; khu du lịch sinh thái Lụng xanh, khu ven sông Uông....

#### 7.6. Quy hoạch đợt đầu hệ thống hạ tầng kỹ thuật đến năm 2015:

a. Quy hoạch giao thông: Giai đoạn đầu đến năm 2015 chủ yếu xây dựng từ giới hạn đường ống dẫn dầu về phía Bắc và một phần khu công nghiệp Phương Nam với tổng diện tích khoảng 632,4ha gồm diện tích đất giao thông đối ngoại khoảng 186,2ha; diện tích đất giao thông đô thị khoảng 446,2 ha.

**b. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:**

\* San nền: Cải tạo nền trong các khu vực xây dựng xen cây thuộc khu vực phía Bắc quốc lộ 18A; tôn tạo mặt bằng các khu công nghiệp phía Tây Nam Thị xã, khu công nghiệp phía Đông sông Sinh.

\* Thoát nước mưa: Xây dựng các tuyến công chính thuộc phạm vi phát triển đợt đầu; xây mới và nâng cấp 38 cống qua đường trên Quốc lộ 18A nhằm tiêu thoát nước mặt, hạn chế tình trạng úng ngập trong mùa mưa.

\* Công tác chuẩn bị kỹ thuật khác: Đào hồ, nạo vét các trục tiêu chính; kè trục tiêu, đào và vè kè hồ cánh quan kết hợp điều tiết nước mưa cho thị xã với tổng chiều dài các tuyến kè khoảng 9,2 km.

\* Cấp nước:

- Tổng nhu cầu cấp nước đợt đầu là 29.206,1 m<sup>3</sup>/ngđ

- Mở rộng, nâng công suất nhà máy nước Đồng Mây từ 3.000m<sup>3</sup>/ngđ lên thành 25.000m<sup>3</sup>/ngđ, dùng nguồn nước từ hồ chứa nước Mười Hai Khe, hồ Yên Lập trong đó đưa nước từ hồ chứa nước Mười Hai Khe về 15.000m<sup>3</sup>/ngđ và hồ Yên Lập 7.000m<sup>3</sup>/ngđ, diện tích khu xử lý 2,5 ha.

- Nhà máy nước Lán Tháp không sử dụng cấp nước nữa do chất lượng nước không đảm bảo. Khu dân cư ở đây sẽ được cấp nước từ nhà máy nước Đồng Mây qua trạm bơm tăng áp đặt tại khu 7 phường Bắc Sơn.

\* Cấp điện: Để đảm bảo cung cấp điện cho thị xã Uông Bí trong giai đoạn đợt đầu đến năm 2010 cần cải tạo và xây dựng các công trình đầu mối sau:

- Nguồn điện: Nâng công suất trạm 110kV Uông Bí lên 2x63MVA; xây dựng thêm 2 trạm 110kV Cầu Sến và khu công nghiệp phía Nam.

- Lưới điện:

+ Lưới 22kV: Cải tạo toàn bộ lưới 6kV hiện có thành 22kV - Từ thanh cái của trạm 110kV xây dựng các tuyến 22kV cấp điện cho các phụ tải của Thị xã, lưới 22kV cấp điện cho thị xã có kết cấu mạch vòng nhưng vận hành hở. Đường dây 22kV bố trí đi nổi và dùng dây bọc cách điện. Giai đoạn đầu cần xây dựng 31km đường dây nổi 22kV và 6km đường cáp ngầm 22kV trong khu vực trung tâm thị xã.

+ Lưới hạ áp 0,4kV: Trên cơ sở các trạm lưới 6/0,4kV đã có được cải tạo và các trạm dự kiến xây dựng mới bố trí các đường dây 0,4kV cho phù hợp và đáp ứng nhu cầu dùng điện. Thay thế các đường dây có tiết diện bé và dây trần bằng dây bọc cách điện PVC hoặc cáp vặn xoắn ABC và đảm bảo tiết diện. Cải tạo và nâng cấp tiết diện 21km đường dây 0,4kV, và xây dựng mới 38km đường dây 0,4kV.

+ Lưới chiếu sáng: Hoàn chỉnh toàn bộ mạng lưới chiếu sáng cho thị xã; bổ xung các tuyến chiếu sáng cho các trục đường chưa có; xây dựng mới các tuyến chiếu sáng cho các khu mới xây dựng. Các tuyến chiếu sáng xây dựng mới trong khu vực nội thị bố trí đi ngầm đảm bảo mỹ quan đô thị. Bổ xung các

tuyến chiếu sáng các công viên vườn hoa mới được xây dựng. Các tuyến chiếu sáng đợt đầu trong khu dân cư có thể kết hợp với tuyến điện 0,4kV cấp cho sinh hoạt. Xây dựng mới 28km đường dây nổi chiếu sáng kết hợp với 0,4kV cấp điện cho sinh hoạt.

+ Trạm lưới 22/0,4kV: Xây dựng thêm 39 trạm 22/0,4kV với tổng công suất 17500kVA. Các trạm 22/0,4kV dùng trạm xây hoặc trạm ki ốt đảm bảo mỹ quan đô thị. Trạm 22/0,4kV có công suất 160kVA đến 400kVA. Đối với các trạm hiện có công suất nhỏ cải tạo nâng công suất lên để đáp ứng nhu cầu dùng điện.

\* Quy hoạch thoát nước bản và VSMT:

- Tiêu chuẩn thoát nước sinh hoạt đợt đầu 120l/người.ngđ; tiêu chuẩn thoát nước công nghiệp (lấy bằng 90% tiêu chuẩn cấp nước): 36m<sup>3</sup>/ha.ngđ; tiêu chuẩn chất thải rắn sinh hoạt 1kg/người.ngđ; tiêu chuẩn chất thải rắn công nghiệp: 0,3 tấn/ha.ngđ; tiêu chuẩn đất nghĩa trang: 0,06ha/1000 dân.

- Quy hoạch thoát nước bản đến năm 2015: Xây dựng hệ thống thoát nước tại các khu vực quy hoạch đợt đầu. Xây dựng 11 trạm bơm nước thải trung chuyển và 05 trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

- Quy hoạch thu gom xử lý chất thải rắn đến năm 2015: Chất thải rắn đô thị phải được phân loại tại nguồn thải thành các chất hữu cơ và vô cơ trước khi thu gom, vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn của thị xã. Sử dụng bãi chôn lấp CTR hợp vệ sinh Vàng Danh trong giai đoạn đầu, sau năm 2015 sẽ xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn.

- Quy hoạch nghĩa trang tập trung đến năm 2010: Đến năm 2015, dự kiến quy hoạch nghĩa trang mới hiện đại tại khu vực đồi núi phía Bắc phường Quang Trung, diện tích 10ha. Nghĩa trang này có lò hỏa táng, đáp ứng nhu cầu của dân thị xã và vùng xung quanh, nhằm giảm nhu cầu chiếm đất, giảm ô nhiễm môi trường.

7.7. Các dự án ưu tiên đầu tư:

a. Các dự án về nhà ở: khu đô thị cầu Sến; khu đô thị mới hai bên kênh làm mát nhà máy điện Uông Bí; khu đô thị mới Yên Thanh.

b. Dịch vụ thương mại, du lịch:

- Các khu dịch vụ thương mại: Đến năm 2010 tập trung đầu tư xây dựng trung tâm thương mại Cầu Sến, nâng cấp chợ trung tâm Thị xã và một số chợ ở xã, phường, xây 4 chợ mới ở các phường Quang Trung, Yên Thanh, Bắc Sơn và Thượng Yên Công nhằm đảm bảo thuận lợi trong kinh doanh và nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

c. Các khu du lịch:

- Xây dựng đề án mở rộng và phát triển khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử được xếp hạng thành diềm du lịch quốc gia, quy mô quy hoạch từ Đốc Đò đến chùa Giải Oan và từ chùa Giải Oan đến chùa Đồng.

+ Khu chùa Hang Sơn và thắng cảnh sinh thái Phương Nam, khu chùa Ba Vàng - hồ Yên Trung - Lựng Xanh.



+ Du lịch sinh thái và nuôi trồng thủy sản tại phường Quang Trung (hai bên bờ sông Uông) và phường Yên Thanh.

d. Cây xanh và TDTT: Dự án trung tâm văn hoá thể thao Thị xã: Dự án công viên cây xanh dọc bờ sông Sinh, xung quanh trung tâm văn hoá thể thao, tại một số phường nội thị, cơ quan, xí nghiệp, trường học.

e. Các cơ sở công nghiệp: Dự án mở rộng, nâng công suất Nhà máy nhiệt điện Uông Bí giai đoạn 2 từ 300MW lên 700MW; Nhà máy Nhiệt điện của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại xã Điện Công. và các khu, cụm công nghiệp Nam Khê, Yên Thanh, Phương Nam.

(Quyết định này phê duyệt kèm hồ sơ đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị xã Uông Bí giai đoạn 2009 - 2020 và thay cho đồ án Quy hoạch chung xây dựng thị xã Uông Bí đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 669/QĐ-UB ngày 08/02/2002).

**Điều 2. Tổ chức thực hiện :**

- Giao Ủy ban Nhân dân thị xã Uông Bí công bố công khai quy hoạch được duyệt; quản lý các quỹ đất, các hành lang lộ giới các trục giao thông chính để thực hiện quy hoạch; triển khai lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 các khu chức năng theo quy hoạch chung làm cơ sở quản lý và đầu tư các dự án thành phần.

- Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng; tham mưu và thẩm định Quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng, trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định;

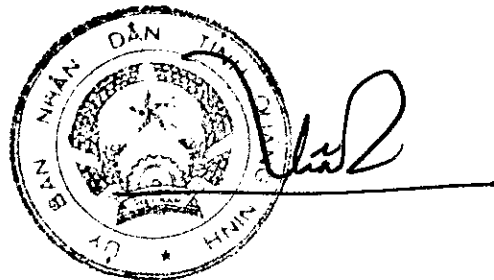
**Điều 3. Các Ông (Bà):** Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh Quảng Ninh; Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thị xã Uông Bí; Thủ trưởng đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh Ủy, HĐND tỉnh (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (B/c);
- Như điều 3 (thực hiện);
- V1, QH2, QLĐĐ1, XD1-2, TH1-3;
- Lưu: VT, QH1.

35H-QĐ 07-02

**TM. UBND TỈNH QUẢNG NINH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Thông**